

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2019

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- *THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Định

2. Ông Hoàng Văn vương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 537/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị H, sinh năm 1978 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Bào Văn M, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Tô Thị H trình bày:

Hôn nhân: Bà H và ông M tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/7/2004. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, ông M không chung thủy với bà, xét hôn nhân không thể kéo dài, bà H và ông M đã ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay nên bà H yêu cầu ly hôn với ông M.

Con chung tên Bào Hồng Q, sinh ngày 06/7/1996 (giới tính nữ) và Bào Duy K, sinh ngày 22/6/2001 (giới tính nam). Cháu Q đã trưởng thành và lập gia đình riêng, cháu K hiện đang sống chung với bà H. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà H và ông M tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có nên bà H không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án thì các yêu cầu của bà H là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Tô Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Bào Văn M. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông M có nơi cư trú tại ấp A, xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tổng đạt hợp lệ cho ông M nhưng ông M không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của bà H và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có triệu tập xét xử hợp lệ nhưng ông M vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà H và ông M tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày

20/7/2004. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, bà H cho rằng thời gian chung sống giữa ông bà xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông M không chung thủy với bà, hôn nhân không hạnh phúc, bà và ông M đã ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay nên bà H yêu cầu ly hôn với ông M. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông M đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa bà H và ông M không đạt được, bà H và ông M đã ly thân từ tháng 02/2018 cho đến nay. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để bà H và ông M có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông M vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà H và ông M được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà H và ông M có 02 người con chung là các cháu Bào Hồng Q, sinh ngày 06/7/1996 (giới tính nữ) và Bào Duy K, sinh ngày 22/6/2001 (giới tính nam), đối với Bào Hồng Q đã trưởng thành và lập gia đình, bà H không đặt ra yêu cầu xem xét nên không xét, đối với cháu Bào Duy K hiện trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng được sống chung với bà H nên cần chấp nhận để cho bà H tiếp tục nuôi dạy cháu Khang, bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con, ông M không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con theo quy định của pháp luật là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H xác định bà và ông M tự thỏa thuận về tài sản chung, không đặt ra yêu cầu xem xét, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Tại đơn xác nhận ngày 04/12/2018 của Ủy ban nhân dân xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và tại biên bản làm việc với người làm chứng ngày 11/01/2019 xác nhận vợ chồng bà H và ông M không có ai yêu cầu về nợ đối với vợ chồng bà H và ông M tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt ông Bào Văn M.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Tô Thị H về việc ly hôn với ông Bào Văn M.

2.1. Về hôn nhân: Bà Tô Thị H và ông Bào Văn M được ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà H được tiếp tục nuôi dạy con chung là Bào Duy K, sinh ngày 22/6/2001 (giới tính nam), ông M không cấp dưỡng nuôi con.

Ông M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

2.3. Tài sản chung: Tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 04 tháng 12 năm 2018 bà H có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0005798 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TLĐ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh